

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày: 22-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Thanh.

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Nam Quang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Hữu Phú – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 635/2024/QĐXXST-HS ngày 19/12/2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 448/2024/HSST-QĐ ngày 31/12/2024** đối với bị cáo:

Họ và tên: Đào Văn Đ, sinh năm 1982 tại Hà Nam; Nơi cư trú: Tổ A, khóm M, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Ngọc T (chết) và bà Nguyễn Thị H; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ: Ngày 24/7/2024; Tạm giam: Ngày 27/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Huỳnh Thị Quỳnh H1 và ông Nguyễn D – Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; (bà H1 có mặt; ông D vắng mặt ngày 16, có mặt ngày 22)

Địa chỉ: Số B, đường T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần N1;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Nguyễn Anh N, sinh năm 1993 – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Cùng địa chỉ: Số F H, phường P, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đào Thu Đ1, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Đinh Văn S, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Hứa Hoài T2, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, Khóm B, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trương Thị Yến T3, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2023, bị cáo Đào Văn Đ ký hợp đồng lao động trách nhiệm thử việc và được phân công làm nhân viên bán lẻ xăng dầu tại Cửa hàng X thuộc Công ty Cổ phần N1. Đến ngày 01/01/2024, Đ kết thúc thử việc và ký hợp đồng lao động là nhân viên bán hàng chính thức theo hợp đồng lao động số 119/2024/HDLĐ/PL-119. Nhiệm vụ được giao là bán xăng, dầu, nhớt cho khách hàng; quản lý tiền bán hàng và nộp lại tiền bán hàng trong ngày cho Cửa hàng trưởng Cửa hàng X 41 là bà Trần Thị Thanh T1 và thu công nợ của khách hàng khi được Cửa hàng trưởng đồng ý. Thời gian làm việc của Đ mỗi ngày là từ 05 giờ đến 13 giờ và từ 18 giờ đến 20 giờ. Khi có khách hàng đến mua xăng, dầu thì Đ trực tiếp bán, trường hợp có khách hàng đến liên hệ mua xăng, dầu nhưng giao tại địa điểm khác thì bà T1 sẽ đứng bán thay để Đ đi giao xăng, dầu cho khách hàng. Thời gian chốt ca bán hàng trong ngày là vào lúc 13 giờ, bị cáo Đ có trách nhiệm quản lý, nộp lại tổng số tiền bán hàng thu được từ 13 giờ ngày hôm trước đến 13 giờ ngày hôm sau cho Cửa hàng trưởng. Trường hợp khách hàng mua xăng, dầu chuyển khoản thì Đ sẽ chuyển tiền vào số tài khoản của bà T1. Sau đó, bà T1 sẽ nộp tiền về Công ty Cổ phần N1.

Trong thời gian làm việc từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/02/2024 tại Cửa hàng X, bị cáo Đào Văn Đ đã chiếm đoạt tiền của Công ty Cổ phần N1 do Đ quản lý trong ca bán hàng và tiền công nợ của khách hàng với tổng số tiền là 91.081.000 đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền chiếm đoạt trong các ca bán hàng là 53.051.000 đồng, gồm: Ngày 20/01/2024 đã chiếm đoạt số tiền 1.800.000 đồng; Từ ngày 22/01/2024 đến ngày 23/01/2024 đã chiếm đoạt số tiền 7.174.000 đồng; Ngày 24/01/2024 đã chiếm đoạt số tiền 2.240.000 đồng; Ngày 28/01/2024 đã chiếm đoạt số tiền 11.516.000

đồng; Ngày 07/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 3.023.000 đồng; Ngày 08/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 610.000 đồng; Ngày 09/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 7.424.000 đồng; Ngày 10/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 505.000 đồng; Ngày 11/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 505.000 đồng; Ngày 13/02/2024 đã chiếm đoạt số tiền 18.254.000 đồng.

- Số tiền chiếm đoạt từ công nợ của khách hàng đã trả cho Đ nhưng bị can không nộp cho Cửa hàng trưởng tổng cộng 38.030.000 đồng, gồm: Tiền công nợ của khách hàng Đinh Văn S 26.310.000 đồng; Tiền công nợ của khách hàng Hứa Hoài T2 8.030.000 đồng; Tiền công nợ của khách hàng tên T4 (không rõ nhân thân) 3.690.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình làm việc tại Cửa hàng X, bị cáo Đ đã ứng lương 02 lần với số tiền là 6.500.000 đồng, số tiền này sẽ trừ vào lương hàng tháng của Đ nhưng khi lãnh lương Đ không hoàn trả lại và mượn tiền cá nhân của bà Trần Thị Thanh T1 số tiền là 3.000.000 đồng.

Sau khi phát hiện sự việc, bà Trần Thị Thanh T1 đã lập biên bản về hành vi vi phạm của Đào Văn Đ và yêu cầu Đ bồi thường, khắc phục hậu quả trả lại tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo Đ cam kết khắc phục nhưng không thực hiện mà sau đó vẫn tiếp tục vi phạm, chiếm đoạt tiền trong thời gian làm việc tại Cửa hàng X. Đến ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần N1 đã có Quyết định cho Đ nghỉ việc. Ngày 29/3/2024, bà Trần Thị Thanh T1 được Công ty Cổ phần N1 ủy quyền tố giác về hành vi chiếm đoạt tài sản của Đào Văn Đ.

Sau khi bị khởi tố, Đào Văn Đ không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 24/7/2024, Cơ quan điều tra đã bắt theo theo quyết định truy nã đối với Đ và tạm giữ gồm: 01 Giấy chứng minh nhân dân số 341178341, cấp ngày 20/9/2013; 01 điện thoại di động loại Samsung Galaxy A12 màu xanh, đã qua sử dụng. Ngày 13/11/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 Giấy chứng minh nhân dân số 341178341 cho Đ.

Trong quá trình điều tra bị cáo Đ đã khai nhận hành vi của mình như nội dung nêu trên.

Cáo trạng số: 105/CT-VKS-TPCL ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Đào Văn Định về tội “*Tham ô tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận: Xét hành vi của bị cáo Đào Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đào Văn Đ phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn Định M án từ 04 đến 05 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản.

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đào Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 91.081.000 đồng cho Công ty Cổ phần N1, đã nộp đầy đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh theo các biên lai số 0003953 ngày 24/10/2024, 0003966 ngày 12/11/2024, số 0003971 ngày 09/12/2024 và 0003976 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Đối với khoản tiền ứng lương của Công ty Cổ phần N1 là 6.500.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mượn của bà T1 thì bị cáo đã trả xong, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động loại Samsung Galaxy A12 màu xanh, đã qua sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo là bà Huỳnh Thị Quỳnh H1 trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất với Cáo trạng, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ và xin xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và cho bị cáo được miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền vì hoàn cảnh của bị cáo khó khăn.

Người bào chữa cho bị cáo là ông Nguyễn D trình bày ý kiến tranh luận: Thống nhất ý kiến bào chữa của bà H1 và xin xem xét tình tiết cha của bị cáo được Bộ Q tặng bằng khen là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong phần đối đáp Kiểm sát viên thống nhất với lời bào chữa của bà H1 và ông D.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với lời luận tội, thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo, không tham gia tranh luận và lời nói sau cùng của bị cáo là bị cáo cảm thấy rất ăn năn, hối hận, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất để bị cáo sớm trở về nuôi mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội và điều luật áp dụng để định tội. Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn Đ thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đ là nhân viên của Công ty Cổ phần N1 được phân công làm việc tại Cửa hàng X, nhiệm vụ được giao là nhân viên bán xăng, dầu, nhớt, quản lý tiền bán hàng và nộp lại tiền bán hàng trong ngày cho Cửa hàng trưởng; thu công nợ của khách hàng khi được Cửa hàng trưởng đồng ý. Trong thời gian làm việc tại Cửa hàng X 41, từ ngày 01/01/2024 đến ngày 14/02/2024, với vai trò là nhân viên bán hàng, bị cáo Đ đã lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý tiền trong ca bán hàng, khi chốt ca phải kết sổ nộp tất cả số tiền phát sinh nhưng khi chốt ca Đ không nộp lại đầy đủ mà nhiều lần chiếm đoạt tiền trong ca bán hàng và tiền công nợ của khách hàng với tổng số tiền là 91.081.000 đồng (trong đó có 11 lần số tiền chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng) để chi xài cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vừa xâm phạm đến uy tín, tính đúng đắn, liêm chính trong công tác, nhiệm vụ quản lý tài sản vừa xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện là lỗi cố ý. Do vậy, với số lần thực hiện hành vi phạm tội và số tiền chiếm đoạt như trên thì bị cáo Đào Văn Đ đã phạm tội “Tham ô tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353. Tội tham ô tài sản

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c) Phạm tội 02 lần trở lên;

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ...

6. Người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước mà tham ô tài sản, thì bị xử lý theo quy định tại Điều này.

Việc truy tố, xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo thực hiện; nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao mà thực hiện hành vi phạm tội để phục vụ cho ý muốn của bản thân, hành vi của bị cáo không chỉ nguy hiểm rất lớn cho xã hội mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây tác hại về nhiều mặt đến xã hội, ảnh hưởng đến tính liêm chính, vô tư và công minh trong hoạt động thực thi nhiệm

vụ. Do đó, cần phải trừng trị bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục bị cáo và thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tạo niềm tin cho Nhân dân.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Do đó, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn cân nhắc đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và được người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, cha bị cáo là ông Đào Ngọc K được Bộ trưởng Bộ Q tặng bằng khen đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng tổ quốc, bản thân bị cáo cũng từng là quân nhân chuyên nghiệp phục vụ trong quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, đang nuôi mẹ già nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đã áp dụng đối với bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo để không chỉ đề cao hiệu quả phòng ngừa, đảm bảo tính nghiêm minh mà còn đảm bảo sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo có thu nhập thấp, không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Đào Văn Đ phải có trách nhiệm trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 91.081.000 đồng cho Công ty Cổ phần N1, hiện bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền này tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh theo các biên lai số 0003953 ngày 24/10/2024, 0003966 ngày 12/11/2024, số 0003971 ngày 09/12/2024 và 0003976 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Đối với khoản tiền ứng lương của Công ty Cổ phần N1 là 6.500.000 đồng và số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo mượn của bà T1 thì bị cáo đã trả xong cho Công ty Cổ phần N1 và bà T1 và họ cũng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Trả lại cho bị cáo tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội là 01 điện thoại di động loại Samsung Galaxy A12 màu xanh, đã qua sử dụng.

[5] Về các vấn đề khác: Đối với bà Trần Thị Thanh T1 là Cửa hàng trưởng trực tiếp phụ trách, quản lý việc buôn bán tại Cửa hàng xăng dầu P 41, sau khi phát hiện bị cáo có hành vi chiếm đoạt tiền trong thời gian làm việc tại Cửa hàng X 41, bà T1 đã lập biên bản về hành vi vi phạm của Đ, yêu cầu Đ khắc phục hậu quả. Số tiền Định chiếm đoạt trong ca bán hàng, bà T1 có ghi lại vào sổ để thống kê, báo cáo về Công ty Cổ phần N1. Do đó, bà T1 không có dấu hiệu đồng phạm với Đ về hành vi tham ô tài sản.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đào Văn Đ phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đào Văn Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày 24/7/2024.

2. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đào Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần N1 số tiền 91.081.000 đồng, được trừ vào tiền tạm thu mà Đào Văn Đ đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003953 ngày 24/10/2024, 0003966 ngày 12/11/2024, số 0003971 ngày 09/12/2024 và 0003976 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy, bị cáo Đào Văn Đ đã bồi thường đủ.

Trả lại cho bị cáo Đào Văn Đ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A12, màu xanh, đã qua sử dụng.

Hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đào Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: **Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. Cao Lãnh;
- CQ CSĐT CA TP. Cao Lãnh;
- CQ THAHS CA TP. Cao Lãnh;
- Bộ phận HSNV CA TP. Cao Lãnh
(khi án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân